

Bản án số: **161/2026/HSPT**  
Ngày: 03-6-2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Bà Đào Thị Kiều Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phi Hải - Thư ký Tòa án thành phố Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại Phòng xét xử số C, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 168/2026/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2026/HSST ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai.

*Bị cáo bị kháng cáo:*

Họ và tên:

1. **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1992; tại Bình Thuận.

Tên gọi khác: Không.

Số căn cước công dân: 037092012683.

Nơi cư trú: ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ).

Giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959 và bà Vũ Thị Bích H, sinh năm 1971. Bị cáo có vợ tên Lương Thị Thu T2, sinh năm 1989; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: 01, Ngày 08/8/2025, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (nay là thành phố Đ) khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác.

2. **Nguyễn Minh T3**, sinh năm: 1991; tại Đồng Nai.

Tên gọi khác: Không.

Số căn cước công dân: 075091016841

Nơi cư trú: ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ).

Giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị V, sinh năm 1966; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: 07;

- Ngày 11/12/2007, bị Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thách 12 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 128/2007/HSST.

- Ngày 11/01/2008, bị Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 06/2008/HSST.

- Ngày 22/04/2010, bị Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 34/2010/HSST.

- Ngày 08/07/2013, bị Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) xử phạt 03 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 77/2013/HSST.

- Ngày 04/03/2019, bị Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 61/2019/HS-ST. Ngày 29/09/2021, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 09/12/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 56/QĐ-TA. Ngày 15/7/2024, chấp hành xong Quyết định.

- Ngày 22/10/2025, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (nay là thành phố Đ) ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 29-12-2025 đến nay Phân trại tạm giam Hàng Gòn/Trại tạm giam số 01 – Công an tỉnh Đ (nay là thành phố Đ).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T3 và Trần Thanh T4 đều là các đối tượng nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, T, T3 và T4 đã bàn bạc và cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Do T thường đi hái nấm mỗi nên biết vườn phía sau nhà của anh Phan Châu T5 có trồng nhiều cây mai. Khoảng 21 giờ ngày 25/7/2025, trong lúc ngồi chơi tại nhà T thì T đã rủ T3 và T5 đi đào trộm cây mai thì T3 và T5 đồng ý. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, T mang theo 01 cửa cầm tay, 01 cây xà beng và 01 cuộn dây thép điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave không giàn áo, biển số 60T1-7852, có gắn mọc lõi tự chế phía sau, chở T3 và T5 đi đến vườn phía sau nhà anh C T5 để đào trộm cây mai. Khi gần đến vườn mai thì T5 đứng ngoài đường cảnh giới còn T và T3 sử dụng các công cụ mang theo nêu trên đột nhập vào trong vườn nhà anh Châu T5 đào trộm 01 cây mai khoảng 30 năm tuổi, có hoành 50cm, chiều cao từ gốc đến thân 63cm và có chiều cao từ gốc đến ngọn 308cm. Sau khi đào cây mai xong, T và T3 khiêng cây mai ra ngoài đường sau đó để lên mọc lõi rồi T, T3 và T5 chở cây mai về nhà của anh Chiu Đức B

để bán cây mai cho anh B. Do anh B không có nhà nên T và T3 khiêng cây mai để ở sân nhà của anh B rồi đi về. Đến sáng ngày 26/7/2025, T gặp anh B và nói cây mai để ở nhà anh B là của T và hỏi anh B có mua cây mai không thì anh B đã gọi điện thoại cho anh Lê Văn P để hỏi xem anh P có mua cây mai không thì anh P đồng ý mua. Đến chiều ngày 27/7/2025, anh P đến nhà anh B để xem cây mai và gặp T, anh P mua cây mai với số tiền 500.000 đồng thì T đồng ý bán. Số tiền bán cây mai T đã tiêu xài cá nhân hết. Quá trình mua bán cây mai, anh B và anh P không biết cây mai này là tài sản do T phạm tội mà có.

\* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 247/KL-HĐĐGTS ngày 27/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (nay là thành phố Đ), kết luận: Giá trị của 01 (một) cây mai khoảng 30 năm tuổi, có hoành 50cm, chiều cao từ gốc đến cành 63cm, chiều cao từ gốc đến ngọn 308cm là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

\* Vật chứng vụ án thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 (một) cái cưa có chiều dài 45cm, lưỡi bằng kim loại dài 33cm, tay cầm bằng gỗ dài 13cm; 01 (một) cái xà beng bằng kim loại dài 66cm có một đầu dẹp; 01 (một) cái cuốc chim cán bằng kim loại dài 51cm, có chiều dài lưỡi cuốc 22cm, chiều ngang 09cm đây là công cụ mà T, T3 và T5 sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản;

- 01 (một) cây mai khoảng 30 năm tuổi, có hoành thân 50cm, chiều cao từ gốc đến cành 63cm, chiều cao từ gốc đến cành 308cm. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của anh Phan Châu T5 bị T, T3 và T5 chiếm đoạt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (nay là thành phố Đ) đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho anh T5 theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Landa, không giàn áo, biển số 60T1-7852, dung tích xi lanh 109cm<sup>3</sup>, số máy FMH-300452, số khung HA-300452 và 01 (một) moọc lôli tự chế bằng sắt. Quá trình điều tra xác định, tài sản trên thuộc sở hữu hợp pháp của bà Vũ Thị Bích H, bà H không biết việc T, T3 và T5 sử dụng xe mô tô và moọc lôli để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (nay là thành phố Đ) đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho bà H.

\* Trách nhiệm dân sự:

- Anh Phan Châu T5 là bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, đồng thời Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T3 và Trần Thanh T4 đã bồi thường thiệt hại số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng nên anh Phan Châu T5 không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

- Anh Lê Văn P là người đã mua cây mai của Nguyễn Văn T không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (nay là thành phố Đ), Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T3 và Trần Thanh T4 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

*Tại bản án số 54/2026/HSST ngày 25/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai, Quyết định:*

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08-8-2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T3, Trần Thanh T4 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T3 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29-12-2025.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T4 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04-11-2025.

Ngoài ra án còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 30/3/2026, bị cáo Nguyễn Minh T3 có đơn kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/4/2026, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai, tại phiên tòa:

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ đúng pháp luật. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Đơn kháng cáo của bị cáo T và bị cáo T3 làm trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] **Về nội dung kháng cáo:**

[2.1] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo T kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt với lý do hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm là quá nặng đối với hành vi phạm tội của bị cáo T. Xét thấy, bị cáo là người trực tiếp khởi xướng, chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp bán tài sản, rồi tiêu xài hết số tiền bán tài sản. Do đó, bị cáo có vai trò chính trong vụ án. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ do bị cáo T, gồm: (1) thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; (2) đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; (3) phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, ngoài ý kiến nêu trên bị cáo không cung cấp được chứng cứ gì mới để làm căn cứ có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới cho bị cáo. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T3, bị cáo T3 kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt với lý do hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm là quá nặng đối với

hành vi phạm tội của bị cáo T3. Xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, bản thân bị cáo có nhân thân rất xấu, đã 05 (năm) lần phạm tội, 01 (một) lần bị xử lý hành chính; khi bị rủ rê bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tình tiết của vụ án và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, gồm: (1) thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; (2) đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, ngoài ý kiến nêu trên bị cáo không cung cấp được chứng cứ gì mới để làm căn cứ có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới cho bị cáo. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Minh T3 là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với các nội dung khác trong bản án sơ thẩm số 54/2026/HS-ST ngày 25/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T3 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh T3, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 54/2026/HS-ST ngày 25-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Nguyễn Văn T); Điều 56; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024 và 2025);

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 08-8-2025.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T3 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 29-12-2025.

Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về án phí Hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự phúc thẩm.

2. Các phần khác của Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm 54/2026/HS-ST ngày 25/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Lệ Trang**

**Đào Thị Kiều Vân**

**Nguyễn Văn Nam**

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Đồng Nai;
- TAND khu vực 6 – Đồng Nai;
- Công an cấp xã;
- Phòng PV06 – Công an thành phố;
- Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nam**

